NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG VIỆC BIÊN SOẠN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA VỀ NGHỀ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ TẠI HÀ NỘI

NGÔ THỊ THU HƯƠNG*

TÓM TẮT: Bài báo này nghiên cứu một số vấn đề về cấu trúc vĩ mô và cấu trúc vi mô của từ điển bách khoa về nghề thủ công mỹ nghệ tại Hà Nội. Trong cấu trúc vĩ mô, việc biên soạn từ điển bách khoa về nghề thủ công mỹ nghệ cần chú ý tiêu chí xác định nghề thủ công mỹ nghệ, tiêu chí lựa chọn mục từ, phạm vi lựa chọn mục từ, phát âm phương ngữ/ thổ ngữ để đảm bảo tính đặc thù cũng như tính đa dạng của văn hóa làm nghề thủ công mỹ nghệ ở Hà Nội. Trong cấu trúc vi mô, việc biên soạn từ điển bách khoa về nghề thủ công mỹ nghệ cần chú ý tới việc cung cấp thông tin văn tự và thông tin phi văn tự (hình ảnh) một cách đa dạng để từ điển bách khoa về nghề thủ công mỹ nghệ không chỉ là công cụ bảo tồn, quảng bá và khảo cứu văn hóa lao động sản xuất của cư dân làm nghề thủ công mỹ nghệ ở Hà Nội nói riêng, người lao động tại các địa phương khác ở Việt Nam nói chung.

TỪ KHÓA: Từ điển bách khoa; nghề thủ công mỹ nghệ; cấu trúc vĩ mô; cấu trúc vi mô; Hà Nội.
NHẬN BÀI: 23/05/2025. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 11/10/2025

1. Mở đầu

Thủ công mỹ nghệ (TCMN) là một ngành kinh tế chuyên chế tạo, sản xuất bằng tay (thủ công) các sản phẩm có tính thẩm mỹ cao (mỹ nghệ) do các nghệ nhân, thợ lành nghề thực hiện. Chính nhờ sự hấp dẫn về hình thức cũng như chiều sâu về văn hóa của nhóm ngành nghề TCMN mà các sản phẩm của nghề TCMN đã được xuất khẩu đến nhiều thị trường trong và ngoài nước, góp phần tạo công ăn việc làm, ổn định đời sống của cộng đồng làm nghề. Cho nên, Nhà nước và các địa phương trong đó có Hà Nội xác định TCMN là một trong những ngành kinh tế cần được ưu tiên phát triển để tạo động lực thúc đẩy các ngành công nghiệp khác phát triển theo (Đinh Thuận, 2023).

Hà Nội mở rộng hiện nay là trung tâm phát triển kinh tế, thương mại, giao thông, văn hóa, giáo dục… của Việt Nam. Trong quá trình phát triển, nhiều nghề thủ công truyền thống, đặc biệt là một số nghề TCMN đã được hình thành và phát triển, đáp ứng nhu cầu dân sinh cũng như nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng... của cư dân Hà Nội và các vùng lân cận. Bởi lẽ, Hà Nội không chỉ là nơi thu hút nhân tài, vật lực đến từ nhiều địa phương trong cả nước mà còn là nơi hội tụ tinh hoa văn hóa của dân tộc Việt Nam. Do đó, để giúp cho các nghiên cứu, tìm hiểu về "Hà Nội học" cần có các công trình biên soạn từ điển bách khoa (TĐBK) để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, học tập, nghiên cứu về Hà Nội nói chung, nghề TCMN tại Hà Nội nói riêng.

Mặt khác, ở Việt Nam hiện nay, tuy có nhiều công trình nghiên cứu về nghề thủ công nói chung, trong đó có nghề TCMN nói riêng dưới nhiều góc độ khác nhau như Kinh tế học, Văn hóa học, Dân tộc học, Ngôn ngữ học, Từ điển học… như các công trình "Nghề thủ công ở Thường Tín Hà Tây" (Trương Duy Bích, Nguyễn Mỹ Thanh, 2007), "Những làng nghề thủ công mỹ nghệ Việt Nam" (Viện Văn hóa dân gian, 2000)… Đặc biệt là công trình "Tổng tập về nghề và làng nghề truyền thống Việt Nam" (Viện Nghiên cứu Văn hóa phối hợp với Nhà xuất bản Khoa học xã hội tổ chức và biên soạn và xuất bản năm 2011-2012) gồm 6 tập, trong đó giới thiệu một số nghề và làng nghề truyền thống ở Việt Nam với nhiều lĩnh vực khác nhau như: nghề chế tác kim loại; nghề mộc chạm; nghề gốm, nghề đan lát, nghề thêu, nghề dệt (…); nghề chế tác đá, nghề sơn và một số nghề khác trong đó có một số nghề TCMN như nghề: nặn tò he (Xuân La), nghề quỳ vàng bạc (Gia Lâm)…Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu việc biên soạn TĐBK về nghề TCMN nói chung cũng như nghiên cứu việc biên soạn TĐBK về nghề TCMN ở Hà Nội nói riêng.

**TS; Viện Ngôn ngữ học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam; Email: ngohuong.vtd@gmail.com*

Vì thế, bài báo này nghiên cứu một số vấn đề liên quan đến việc biên soạn TĐBK về nghề TCMN tại Hà Nội nhằm xác định cơ sở lí luận cho việc biên soạn TĐBK về nghề TCMN ở Hà Nội nói riêng, TĐBK về nghề TCMN ở các địa phương khác nói chung.

2. Cấu trúc vĩ mô của từ điển bách khoa về nghề thủ công mỹ nghệ

2.1. Tiêu chí xác định nghề thủ công mỹ nghệ

Cấu trúc vĩ mô là cấu trúc bao gồm toàn thể các mục từ được sắp xếp trong từ điển theo một trật tự xác định. Cấu trúc này còn được gọi là cấu trúc bảng từ (Nguyễn Ngọc Trâm, 1997). Cấu trúc bảng từ sẽ quyết định cách thu thập và cỡ của quyển từ điển. Vì thế, việc xác định bảng từ của từ điển nói chung, TĐBK bao giờ cũng là một việc làm rất khó khăn bởi lẽ, tùy từng lĩnh vực khác nhau mà mỗi cuốn từ điển có cấu trúc vĩ mô khác nhau, chẳng hạn TĐBK về ẩm thực, TĐBK về địa danh, TĐBK về nông cụ… sẽ có cấu trúc vĩ mô khác với TĐBK về các nghề TCMN. Do đó, trong cấu trúc vĩ mô cần phải xác định các tiêu chí lựa chọn nghề để làm cơ sở cho việc lựa chọn mục từ trong bảng từ đảm bảo tính hệ thống cũng như tính đặc thù địa phương trong việc lập bảng từ cho TĐBK, cụ thể là TĐBK về nghề TCMN tại Hà Nội.

Trước tiên, TĐBK về nghề TCMN tại Hà Nội là quyển từ điển cung cấp thông tin bách khoa về nghề TCMN tại một địa phương nhất định, cụ thể là Hà Nội mở rộng như hiện nay. Do đó, TĐBK về nghề TCMN tại Hà Nội mang tính chất của TĐBK địa phương. Nghĩa là TĐBK về nghề TCMN tại Hà Nội cần mang tính đặc thù của riêng Hà Nội (Hà Nội tính), mà không xuất hiện ở những địa phương khác. Điều này đòi hỏi nhóm biên soạn TĐBK về nghề TCMN tại Hà Nội phải lựa chọn các nghề TCMN ở Hà Nội như thế nào trong 1.350 làng nghề và làng có nghề, trong đó có 327 làng nghề, làng nghề truyền thống được UBND thành phố Hà Nội công nhận (Nguyễn Mai, 2025). Mặt khác, xuất phát từ đặc điểm tự nhiên và xã hội của Hà Nội trong mỗi giai đoạn khác nhau có đặc điểm tự nhiên và xã hội khác nhau. Biên soạn TĐBK về nghề TCMN tại Hà Nội trong giai đoạn hiện nay cần phải chú ý đến tính "đương đại" của nghề. Với khu vực địa lí rộng khoảng 3.359,8 km2, số dân 8.587,1 nghìn người, chủ yếu là người dân tộc Kinh (Tổng cục thống kê, 2025), tiêu chí lựa chọn nghề TCMN theo địa bàn trong khu vực Hà Nội để biên soạn TĐBK về nghề TCMN khi các nghề TCMN không phân bố đồng đều trên các địa bàn khác nhau của Hà Nội mà tập trung ở một số làng, xã thuộc huyện Thường Tín, Chương Mỹ, Hà Đông (tỉnh Hà Tây cũ). Do đó, nhóm biên soạn TĐBK về nghề TCMN cần phải xuất phát từ các nhóm nghề TCMN tại Hà Nội mà lựa chọn các nhóm nghề TCMN để biên soạn. Trên cơ sở các nhóm nghề TCMN đó, nhóm biên soạn TĐBK về nghề TCMN cần xác định những tiêu chí lựa chọn những nghề TCMN: sự tồn tại của nghề (hiện đang làm nghề), mức độ kết hợp với lĩnh vực khác (kết hợp với du lịch), mức độ phổ biến (được nhiều khách hàng biết đến), lịch sử phát triển (nghề truyền thống hay mới xuất hiện),...

2.2. Tiêu chí xác định mục từ

Có thể thấy, TĐBK về nghề TCMN là cuốn từ điển cung cấp thông tin bách khoa về những nghề TCMN nên TĐBK nghề TCMN mang tính chất của TĐBK chuyên ngành. Do đó các mục từ trong bảng từ của TĐBK nghề TCMN phụ thuộc vào hai yếu tố sau:

Một là, quan niệm về từ ngữ chuyên ngành - từ ngữ nghề nghiệp (TNNN) các nghề TCMN là các đầu mục từ trong TĐBK về nghề TCMN. Theo truyền thống ngôn ngữ học Nga, TNNN trong nghề TCMN là những từ ngữ thuộc phương ngữ xã hội. Những đơn vị từ ngữ này tồn tại cùng với hệ thống thuật ngữ trong hệ thống từ vựng của mỗi một ngôn ngữ. Theo truyền thống ngôn ngữ học Mỹ, hệ thống TNNN là hệ thống từ ngữ trong một lĩnh vực chuyên môn nhất định, bao gồm cả thuật ngữ (Ngô Thị Thu Hương, 2019). Do đó, có thể xác định nhóm từ vựng ngữ nghĩa biểu thị các khái niệm trong nghề TCMN gồm những nhóm sau: (1) tên nghề; (2) làng nghề; (3) nguyên vật liệu; (4) hoạt động/ thao tác; (5) sản phẩm; (7) thợ làm nghề; (8) ông/ bà tổ nghề; (9) tín ngưỡng, lễ hội liên quan đến nghề; (10) cơ sở tín ngưỡng liên quan tới nghề. Tuy nhiên, mỗi một nghề TCMN khác nhau có quá trình hình thành, phát triển khác nhau nên mỗi nhóm từ ngữ biểu thị các khái niệm về đối tượng của mỗi nghề khác nhau. Vì thế, chắc chắn có sự không cân đối trong một số nghề TCMN ở các địa phương nói chung, nghề TCMN tại Hà Nội nói riêng. Sự không cân đối đó vừa thể hiện sự đa dạng

văn hóa của các nghề TCMN tại Hà Nội, vừa thể hiện đặc trưng của nghề đó trong mối tương quan giữa các nghề TCMN ở Hà Nội với nhau.

Hai là, xác định phạm vi của đầu mục từ vốn là TNNN chỉ là những từ ngữ chỉ dụng cụ, phương tiện và sản phẩm của nghề, nghĩa là TNNN chỉ gồm ba nhóm từ ngữ (quan điểm của Nguyễn Thiện Giáp, Hoàng Trọng Canh, v.v.) và quan niệm TNNN bao gồm những từ ngữ biểu thị đối tượng xuất hiện trong nghề, được những người trong một nghề sử dụng (quan điểm của Nguyễn Văn Khang và cộng sự, 2002; Ngô Thị Thu Hương, 2019; Phạm Văn Hảo, 2023). Bởi vì, qua biên soạn Từ điển nghề, làng nghề truyền thống ở Quảng Nam cho thấy, đơn vị ngôn ngữ biểu thị đối tượng trong nghề truyền thống không chỉ thuộc ba nhóm từ vựng ngữ nghĩa (dụng cụ, hoạt động, sản phẩm) mà mỗi một nghề khác nhau sẽ có những nhóm từ vựng ngữ nghĩa khác nhau. Chẳng hạn, ngoài những từ ngữ biểu thị dụng cụ, hoạt động, sản phẩm nghề làm gốm Nam Diêu (Quảng Nam) thì những người trồng rau Trà Quế sử dụng nhóm từ ngữ biểu thị lễ hội liên quan đến nghề (Lễ hội Cầu Bông), những người đi biển sử dụng nhóm từ ngữ tín ngưỡng các vị thần bảo hộ họ trên mỗi chuyến đi biển (cá Ông, lăng Ông…). Mặt khác, mỗi một nghề khác nhau sẽ có những nhóm từ vựng ngữ nghĩa khác nhau, chẳng hạn, từ ngữ nghề biển có 14 nhóm từ vựng ngữ nghĩa (bao gồm nhóm từ ngữ biểu thị dụng cụ, nguyên liệu, thời tiết, tín ngưỡng...) từ ngữ nghề chạm khắc đá Non Nước (Đà Nẵng) có 9 nhóm từ vựng ngữ nghĩa, từ ngữ nghề làm gốm Nam Diêu (Quảng Nam) có 7 nhóm từ vựng ngữ nghĩa.... (Ngô Thị Thu Hương, 2019). Vì thế, việc xác định mục từ trong cấu trúc vĩ mô của TĐBK về nghề TCMN tại Hà Nội cần phải được xác định theo các nhóm từ ngữ/ nhóm từ vựng ngữ nghĩa. Chính sự không cân đối hay là sự khác biệt về mặt số lượng các mục từ thuộc những nhóm từ vựng ngữ nghĩa của các nghề TCMN khác nhau cũng phần nào cho thấy sự đa dạng và khác biệt về mặt văn hóa giữa các nghề TCMN được giới thiệu trong TĐBK ở các địa phương khác nhau.

Thứ ba, khi xác định cấu trúc vĩ mô của TĐBK về nghề TCMN tại Hà Nội cần chú ý đến tính văn hóa trong mỗi mục từ của nghề TCMN. Bởi vì khi xác định mục từ, nhất là các mục từ sản phẩm TCMN cần lựa chọn những sản phẩm làm nổi bật không chỉ về hình thức mà cần chú ý cả ý nghĩa văn hóa của sản phẩm, chẳng hạn như sử dụng sản phẩm *hát ả đào, múa sư tử*... (nghề làm con giống bột), *tranh tứ phủ Công đồng, tranh bịt mắt bắt dê* (tranh Hàng Trống), là những sinh hoạt văn hóa truyền thống của người Việt nói chung, người Hà Nội nói riêng.

***Hình 1**. Hát ả đào*
(sản phẩm nghề làm con giống bột)



(*Ngô Thị Thu Hương, 2025*)

***Hình 2**. Tứ phủ công đồng*
(sản phẩm nghề làm tranh Hàng Trống)



Thứ tư, nhóm biên soạn TĐBK về nghề TCMN cần chú ý đến tính địa phương của mục từ. Nghiên cứu nhóm từ ngữ biểu thị các đối tượng trong nghề TCMN cho thấy, các mục từ trong TĐBK về nghề TCMN (vốn là những TNNN của nghề TCMN ở Hà Nội) vừa có tính đặc thù của mỗi cộng đồng làm nghề ở mỗi địa phương, vừa có tính phổ biến của ngôn ngữ toàn dân khi nghề nghiệp đó được phổ biến trong xã hội (Ngô Thị Thu Hương, 2019). Nhất là giai đoạn hiện nay, khoa học công nghệ rất phát triển, những thông tin về nghề TCMN được phổ biến và quảng bá rất mạnh trên mạng internet nhằm mục đích phát triển làng nghề song song với việc phát triển du lịch tại các địa phương ở Việt Nam. Vì thế, TĐBK nói riêng và nghề TCMN ở Hà Nội cần phải thể hiện được "bản sắc" qua

những mục từ thể hiện văn hóa địa phương như *lễ rước nước* (thờ thần Nước), *đình Bát Tràng* (thờ sáu vị Thành Hoàng làng có công giúp dân giữ nghề, giữ làng), *miếu Bà* (thờ bà Ả Lã Đê Nương, bà tổ nghề dệt lụa Vạn Phúc), *lễ hội làng Quất Động* (giỗ ông Lê Công Hành, ông tổ nghề thêu)... trong cấu trúc vĩ mô của TĐBK về TCMN tại Hà Nội. Bởi vì đó là những hoạt động sinh hoạt văn hóa thể hiện tín ngưỡng thờ nhiên thần như tục thờ Thần Nước của các cư dân ven sông, thờ Thần Lửa (Hỏa thần) của cư dân làm gốm cổ (nghề gốm Bát Tràng) hay tín ngưỡng thờ các vị nhân thần có công truyền dạy nghề (ông Lê Công Hành, một vị quan thời Lê), cho dù đó người đó là người Việt (bà Ả Lã Đê Nương) hay không phải là người Việt (Ông Cao Biền ở làng gốm cổ Kim Lan)... Việc thực hành một số nghi lễ thờ cúng này của cư dân một số nghề TCMN được cho là thể hiện tinh thần uống nước nhớ nguồn của người Việt khi làm nghề. Vì thế, cần tăng cường bổ sung những mục từ như vậy trong cấu trúc vĩ mô của TĐBK về nghề TCMN ở để làm nổi bật yếu tố văn hóa trong chính cấu trúc vĩ mô của TĐBK về nghề TCMN tại Hà Nội.

2.3. Xử lí vấn đề phương ngữ/ thổ ngữ của các đầu mục từ

Tiếng Việt là một siêu phương ngữ, được tổng hợp từ ba vùng phương ngữ gồm phương ngữ Bắc (Bắc Bộ), phương ngữ Trung (từ Thanh Hóa đến đèo Hải Vân), phương ngữ Nam (từ Đà Nẵng đến cực Nam của Việt Nam) (Hoàng Thị Châu, 2009, tr.91). Do đó, việc biên soạn TĐBK về các nghề TCMN nói chung ở các địa phương cần xử lí những biến thể ngữ âm/ phát âm địa phương của từng vùng. Mặt khác, Hà Nội mở rộng hiện nay là một khu vực có lịch sử hàng nghìn năm với sự đa dạng về tộc người với các ngôn ngữ, phương ngữ và thổ ngữ khác nhau. Đặc biệt khi hệ thống thanh điệu của một số thổ ngữ vùng Sơn Tây, Ba Vì, Thạch Thất khác biệt rất nhiều so với tiếng Việt phổ thông (Nguyễn Tài Thái, 2014; Trần Quang Minh, 2023). Về lí thuyết, khu vực Ba Vì có nhiều thổ ngữ khác nhau, và giữa các thổ ngữ có sự khác biệt trên mặt ngữ âm, trước hết là ở hệ thống thanh điệu (thanh huyền được phát âm thành thanh không), nên các mục từ nghề TCMN ở vùng Ba Vì, Sơn Tây cũng phát âm theo thổ ngữ vùng. Trên thực tế, nghề TCMN không tập trung nhiều ở vùng Ba Vì, Sơn Tây nên vấn đề xử lí phương ngữ, thổ ngữ tuy không nhiều nhưng cũng cần lưu ý, nhất là khi biên soạn TĐBK về nghề TCMN ở các phương ngữ/ thổ ngữ khác.

Mặt khác bản chất của từ điển nói chung, từ điển TĐBK là một loại sách tra cứu, vì thế đầu mục từ trong từ điển TNNN cần phải chuẩn về mặt chính tả. Độc giả có thể phát âm theo các "giọng" khác nhau nhưng chính tả phải được thống nhất. Vì thế, để giải quyết vấn đề phát âm phương ngữ của đầu mục từ trong TĐBK về nghề TCMN tại Hà Nội, cần phải chuẩn hóa về mặt chính tả các đầu mục từ trong cấu trúc vĩ mô. Việc chuẩn hóa chính tả này không những giúp người tra cứu có thể hiểu được chính xác nội dung ngữ nghĩa của các mục từ mà còn góp phần vào chuẩn hóa tiếng Việt trong bối cảnh hiện nay, khi mà ranh giới của từ ngữ địa phương bị phá bỏ bởi các rào cản địa lí và xã hội.

3. Cấu trúc vi mô của từ điển bách khoa về nghề thủ công mỹ nghệ

3.1. Thông tin văn tự

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, cấu trúc vi mô là toàn bộ những thông tin được trình bày một cách hệ thống trong mỗi mục từ (Nguyễn Ngọc Trâm, 1997). Một trong thông tin quan trọng được cung cấp trong mục từ là thông tin văn tự (chữ viết). Điểm khác biệt giữa từ điển ngôn ngữ và TĐBK là việc cung cấp thông tin. Nếu như trong từ điển ngôn ngữ, các thông tin cung cấp gồm thông tin về ngôn ngữ như ngữ âm, chính tả, từ vựng, ngữ pháp, ngữ dụng, từ nguyên,... (Chu Bích Thu, 1997) thì trong TĐBK có sự kết hợp giữa thông tin ngôn ngữ và thông tin bách khoa. Trong đó, thông tin bách khoa là những "thông tin chung và nằm ngoài giới hạn của thông tin ngôn ngữ" (Phạm Văn Hảo, 2010). Những thông tin này không những làm rõ hơn những thông tin về các đơn vị từ ngữ xuất hiện trong nghề mà qua đó còn cung cấp cho người đọc những thông tin/ tri thức văn hóa về nghề TCMN tại Hà Nội. Như vậy, ngoài việc định nghĩa khái niệm mục từ, trong cấu trúc vi mô của TĐBK cần cung cấp thêm thông tin bách khoa liên quan tới mục từ đó (Phạm Văn Hảo, 2010).

Mặt khác, TĐBK về nghề TCMN là loại TĐBK chuyên ngành, đối tượng được định nghĩa là các khái niệm chuyên được dùng trong một nghề nhất định. Do đó, việc cung cấp thông tin văn tự trong TĐBK về nghề TCMN tại Hà Nội phụ thuộc vào các loại mục từ với các cấu trúc vi mô khác nhau.

Thông tin được cung cấp trong mục từ là *dụng cụ sử dụng trong nghề* sẽ khác với thông tin cung cấp mục từ *hoạt động trong nghề, cơ sở tín ngưỡng liên quan đến nghề, sản phẩm của nghề*… Ví dụ:

Cấu trúc thông tin nhóm từ ngữ biểu thị dụng cụ sản xuất (9 thông tin)

<table>
<tr><td>1.</td><td>Tên mục từ</td><td colspan="2">BAO NUNG</td></tr>
<tr><td>2.</td><td>Tên gọi khác</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td>3.</td><td>Giới thiệu chung</td><td colspan="2">Dụng cụ trong nghề gốm sứ Bát Tràng.</td></tr>
<tr><td>4.</td><td>Định nghĩa</td><td colspan="2">Đây là loại dụng cụ được sử dụng trong các lò nung truyền thống, có dạng hình trụ hay hình hộp, có đáy kín, có thể có nắp đậy hoặc không có nắp đậy, được dùng để bảo vệ sản phẩm gốm trong quá trình nung.</td></tr>
<tr><td>5.</td><td>Cấu tạo của công cụ</td><td colspan="2">Bao nung được làm từ đất chịu lửa, một loại hỗn hợp đất sét già trộn cát, sạn hoặc sa thạch nghiền mịn theo một tỉ lệ nhất định rồi tạo hình. Sau khi tạo hình bao nung, người thợ Bát Tràng phơi khô bao nung rồi đem đi sơ nung trước một lần để tạo độ cứng và khả năng chịu nhiệt. Một bao nung thông thường có thể dùng được 15 đến 20 mẻ gốm khác nhau.</td></tr>
<tr><td>6.</td><td>Các dạng khác nhau của công cụ</td><td colspan="2">Mỗi loại sản phẩm khác nhau, loại lò nung khác nhau, người ta sử dụng các loại bao nung có hình dáng, kích thước, kiểu loại khác nhau như bao nung có nắp đậy, bao nung không có nắp đậy, bao nung hình trụ vuông, bao nung hình trụ tròn... để đảm bảo cho việc sắp xếp sản phẩm trong lò một cách tận dụng triệt để không gian trong lò, vừa tiết kiệm được nhiên liệu mà lại đạt hiệu quả nung cao.</td></tr>
<tr><td>7.</td><td>Công dụng của công cụ</td><td colspan="2">Bao nung có khả năng chống tro bám, khói ám trong các lò nung truyền thống có sử dụng than củi, giúp giữ men trong sạch, sáng bóng cho đến khi dỡ lò. Bao nung còn giúp ổn định nhiệt độ xung quanh sản phẩm gốm, tránh thay đổi nhiệt độ một cách đột ngột nên hạn chế nứt vỡ sản phẩm. Ngoài ra, bao nung còn giúp nghệ nhân xếp chồng các sản phẩm lên nhau mà không chạm trực tiếp vào nhau.</td></tr>
<tr><td>8.</td><td>Hiện trạng của công cụ</td><td colspan="2">Bao nung là một dụng cụ bảo vệ đồ gốm, góp phần làm nên chất lượng và vẻ đẹp của gốm sứ Bát Tràng. Hiện nay, mặc dù một số lò nung công nghệ hiện đại không sử dụng bao nung, nhưng nhiều xưởng gốm, đặc biệt là các xưởng gốm chuyên sản xuất các sản phẩm gốm sứ thủ công mỹ nghệ vẫn sử dụng bao nung để sản xuất hàng nghệ nhân độc bản.</td></tr>
<tr><td rowspan="3">9.</td><td rowspan="3">Hình ảnh</td><td>Bao nung hình trụ tròn</td><td>Gốm đặt trong bao nung</td></tr>
<tr><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">Nguồn: Ngô Thị Thu Hương, 2025</td></tr>
</table>

Cấu trúc thông tin nhóm từ ngữ biểu thị sản phẩm (18 thông tin)

1.	**Tên sản phẩm**	**BÌNH HÚT LỘC**	
2.	Tên gọi khác	**còn gọi là BÌNH TÀI LỘC, BÌNH HÚT TÀI LỘC**	
3.	Giới thiệu chung	**Sản phẩm nghề làm gốm Bát Tràng.**	
4.	Định nghĩa	Đây là loại bình có cổ nhỏ, phần vai, thân bình phình to và có đáy thu nhỏ.	
5.	Ý nghĩa văn hóa	Về mặt phong thủy, bình hút lộc có ý nghĩa tượng trưng cho sự thu hút và lưu giữ tài lộc, mang lại may mắn và bình an cho người sử dụng.	
6.	Các loại sản phẩm	Bình hút lộc Bát Tràng có nhiều kích cỡ và hình dáng khác nhau như bình hút lộc hồ lô, bình hút lộc hình cầu, bình hút lộc hình thuôn…; miệng bình hút lộc có nhiều hình dáng như miệng lượn hay miệng lượn túi tiền, miệng loe…; cổ bình hút lộc cũng được vuốt nhiều dạng như cổ cao, cổ tròn, cổ đũa,… với các tên gọi mang đến sự may mắn, giàu sang, phú quý như: thuận buồm xuôi gió (nhất phàm phong thuận), công danh phú quý (khổng tước mẫu đơn), mã đáo thành công (hình tám con ngựa), chữ phúc đức, chữ tài lộc, bách phúc toàn gia, khổng tước bách điểu, bách điểu ngàn hoa, thần tài tiến bảo, bách nhi đồ,… Bình đẹp hơn khi đặt trên đế gỗ.	
7.		Hình 1. Bình hút lộc cổ ngắn	Hình 1. Bình hút lộc cổ đũa
8.			G
		Nguồn: Ngô Thị Thu Hương, 2025	
9.	Người làm ra sản phẩm	Bình hút lộc được thợ vuốt chế tác. Đây thường là những người thợ có tay nghề cao trong mỗi xưởng gốm. Các sản phẩm bình hút lộc độc bản do chính tay nghệ nhân vuốt với bí quyết riêng của mỗi xưởng gốm hay nhà gốm (hoạt động theo mô hình gia đình).	
10.	dụng cụ để chế tạo sản phẩm	Dụng cụ để sản xuất bình hút lộc thông thường có hình cầu hoặc hình ống tròn được tạo hình trên bàn xoay cỡ nhỏ (đường kính khoảng 40 cm). Ngoài ra, thợ vuốt có thể sử dụng khuôn để tạo dáng bình hút lộc không có dạng hình cầu hoặc hình ống tròn.	
11.	Kỹ thuật tạo hình sản phẩm	Người thợ vuốt sẽ sử dụng một lượng đất khác nhau và kỹ thuật vuốt khác nhau, phù hợp với từng loại bình hút lộc khác nhau. Đối với bình hút lộc có cổ thấp hơn ngón tay của thợ vuốt, thợ vuốt sẽ vuốt từ đầu đến khi hoàn thiện bình hút lộc. Đối với bình hút lộc có cổ cao hơn ngón tay trỏ của thợ vuốt, lúc đó thợ vuốt sẽ vuốt thân bình hút lộc trước rồi ghép phần cổ cao vào thân bình. Kỹ thuật ghép này đòi hỏi phần đất của thân bình và cổ bình phải có độ dính tương đương nhau. Có như vậy, khi đưa bình vào nung, sản phẩm không bị rạn, nứt.	
12.	Kỹ thuật tạo màu sắc	Bình hút lộc chủ yếu được phủ men theo 5 màu yếu tố phong thủy, người mua có thể sử dụng bình hút lộc có màu bản mệnh hoặc màu tương sinh với bản mệnh. Men của bình hút lộc Bát Tràng được làm từ nhiều loại men nhưng chủ yếu là men lam, men bóng, men màu, men hỏa biến, men kết tinh… Mỗi loại men yêu cầu kĩ thuật pha chế, kĩ thuật	

		phủ men, kĩ thuật nung khác nhau.
13.	Hoa văn, họa tiết trên sản phẩm	Trên mỗi sản phẩm bình hút lộc Bát Tràng có thể được trang trí các hoa văn, họa tiết với các kĩ thuật khác nhau. Các hoa văn, họa tiết chủ yếu thuộc các motip truyền thống như họa tiết về các con vật mang lại may mắn, bình an, phú quý, tài lộc dồi dào cho gia chủ như chim công (khổng tước), cá chép (lí ngư), tứ linh (long, lân, quy, phượng), tứ quý (xuân, hạ, thu, đông)… kết hợp với các loài hoa như hoa đào, hoa sen, hoa mẫu đơn, hoa cúc cách điệu… trong văn hóa Việt Nam. Các hoa văn, họa tiết được vẽ vàng, vẽ lam, vẽ 3D, có hoa văn, họa tiết được khắc chìm, có hoa văn, họa tiết được đắp nổi…
14.	Thời gian để hoàn thành 1 sản phẩm	Tùy từng loại sản phẩm mà thời gian hoàn thành một bình hút lộc khác nhau. Bình hút lộc sử dụng kĩ thuật vẽ vàng khác sẽ có thời gian lâu hơn bình hút lộc sử dụng men hỏa biến hay bình hút lộc men bóng vẽ điểm… Thông thường, để hooàn thàn thành 1 sản phẩm bình hút lộc vẽ vàng cần khoảng thời gian 5 ngày, từ khâu tạo hình, phơi sấy, sơ nung, phủ men, nung chín, để nguội, vẽ vàng, nung men. Các sản phẩm bình hút lộc vẽ lam hoặc phủ men thì thời gian hooàn thành rút ngắn lại.
15.	Công dụng của sản phẩm	Bình hút lộc Bát Tràng không chỉ là một loại sản phẩm thủ công mỹ nghệ mà còn là một trong những vật phẩm phong thủy, mang lại tài lộc, may mắn cho người sử dụng nên chúng được sử dụng làm quà tặng. Ngoài ra, bình hút lộc còn được trưng bày trên bàn làm việc, kệ trang trí trong phòng khách gia đình hay trong các sảnh khách sạn, nơi tiếp đón khách hàng của các công ty, nhà hàng, khách sạn…
16.	Hiện trạng sử dụng	Trước đây, bình hút lộc thường chỉ được giới thương nhân, giới quý tộc sử dụng để cầu tài lộc. Hiện nay, thú chơi này được sử dụng phổ biến ở nhiều tầng lớp trong xã hội.
17.	Thị trường tiêu thụ sản phẩm	Nhờ giá trị thẩm mỹ và giá trị văn hóa, bình hút lộc Bát Tràng hiện được tiêu thụ thị trường trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài.

Rõ ràng là, những thông tin được cung cấp trong mục từ của TĐBK có cấu trúc phức tạp và mức độ chi tiết khác nhau, phụ thuộc vào loại mục từ - nhóm từ vựng ngữ nghĩa biểu thị đối tượng xuất hiện trong nghề TCMN tại Hà Nội. Mỗi nhóm từ vựng ngữ nghĩa sẽ có những cấu trúc thông tin khác nhau. Vì thế, định nghĩa các khái niệm của mỗi loại mục từ trong TĐBK cần phải có cấu trúc thông tin theo từng nhóm mục từ/ nhóm từ vựng ngữ nghĩa thì mới đảm bảo tính hệ thống cho toàn bộ quyển từ điển.

Điểm cần chú ý trong TĐBK về nghề TCMN ở Hà Nội là có những đơn vị từ ngữ có thể trùng với ngôn ngữ toàn dân hoặc trùng với mục từ của nghề đó ở những địa phương khác, chẳng hạn như *nung* trong nghề gốm, *tơ* trong nghề dệt lụa, *sơn ta* trong nghề sơn mài, nghề điêu khắc… Do đó, các mục từ TĐBK về nghề TCMN cần cung cấp thông tin mang tính chất đặc thù, khác biệt với mục từ này các địa phương khác, chẳng hạn như nghề gốm sứ Bát Tràng và nghề gốm Nam Diêu (Quảng Nam) cùng có công đoạn *nung* nhưng các sản phẩm TCMN nghề gốm Nam Diêu chỉ *nung* một lần nhưng các sản phẩm TCMN nghề gốm sứ Bát Tràng công đoạn nung được thực hiện hai lần: *sơ nung* và *nung chín*. Sơ nung được thực hiện sau khi sản phẩm gốm được tạo hình/ tạo dáng, sửa hàng mộc và phơi sấy xong. Nung chín được thực hiện sau khi thợ vẽ đã vẽ xong hoa văn, họa tiết lên bền mặt sản phẩm. Hoặc như cùng là tơ, nguyên vật liệu sản xuất nghề dệt, tơ tằm nghề dệt lụa Vạn Phúc khác với tơ sen nghề dệt lụa tơ sen (Mỹ Đức, Hà Nội). Vì thế, để làm nổi bật tính văn hóa của địa phương trong mỗi mục từ trong TĐBK về nghề TCMN tại Hà Nội, ngoài việc cung cấp những thông tin ngôn ngữ, nhóm biên soạn TĐBK về nghề TCMN còn cần phải cung cấp thêm những thông tin bách khoa. Đó là những "thông tin chung và nằm ngoài giới hạn của thông tin ngôn ngữ" (Phạm Văn Hảo,

2010). Chỉ khi có những thông tin này, mục từ mới phản ánh được đầy đủ nội hàm văn hóa làm nghề của cộng đồng mà mỗi đơn vị mục từ đó chứa đựng.

3.2. Thông tin phi văn tự

Những thông tin không đăng tải dưới dạng văn tự (chữ viết) mà được trình bày dưới dạng đồ hình như ảnh, tranh, biểu bảng, đồ thị, sơ đồ, bản đồ… đều được cho là những thông tin phi văn tự. "Nhờ ngôn ngữ tạo hình riêng biệt, thông tin đồ họa còn có khả năng diễn đạt chi tiết, sắp xếp hài hòa có ý đồ về nội dung và hình thức […] Thông tin đồ họa giúp người tiếp nhận thông tin nhanh, dễ hiểu, dễ nhớ, ấn tượng (Hà Huy Phượng, 2000 dẫn theo Vũ Quang Hào, 2012, tr.237).

Cũng cùng quan điểm cho rằng ngoài thông tin văn tự (chữ viết) còn tồn tại loại thông tin phi văn tự "nhằm giải đáp những thắc mắc thường không phức tạp lắm, nảy sinh trong ngày thường" để gia tăng tính thuyết phục cho độc giả (Nguyễn Kim Thản, 2009, tr.66). Những thông tin phi văn tự như tranh vẽ, hình ảnh (bao gồm hình ảnh tĩnh và hình ảnh động khi đi kèm với loại TĐBK trực tuyến) có vai trò vô cùng quan trọng trong việc cung cấp tri thức về nghề TCMN cho độc giả. Đây được coi là một trong những nguồn tạo nghĩa quan trọng (Gunther Kress and Theo van Leeuwen, 2006). Đặc biệt là những tranh vẽ, hình ảnh về những sản phẩm đặc trưng được sản xuất chỉ ở địa phương đó, chẳng hạn như *chuồn chuồn tre, tranh Hàng Trống*... hay cơ sở tín ngưỡng, hoạt động tín ngưỡng liên quan đến nghề TCMN chỉ có ở Hà Nội như *chùa Tiêu Dao* (nghề gốm Bát Tràng), *lễ cấp thủy* (nghề gốm Bát Tràng), *lễ hội nghề đậu bạc,...* hoặc dụng cụ sản xuất chỉ có ơ nghề đó, ở địa phương đó như xơ mướp dụng cụ để *vờn màu, chổi bồi* dùng để bồi tranh trong nghề làm tranh Hàng Trống… Vì thế, cần phải tích hợp thông phi văn tự như tranh vẽ, hình ảnh (tĩnh và động), âm thanh… trong TĐBK để gia tăng lượng thông tin, giúp cho độc giả có thể cảm nhận trực quan được đối tượng xuất hiện trong nghề TCMN đang được điển chế.

Mặt khác, TĐBK là loại sách tra cứu thông tin, do đó, mọi thông tin được đưa ra dưới hình thức văn tự hay phi văn tự - hình ảnh là một trong những nguồn tạo nghĩa phổ biến nhất hiện nay[1] (Gunther Kress and Theo van Leeuwen, 2006). Do đó, mỗi thông tin phi văn tự (hình ảnh) trong mỗi mục từ biểu thị các nhóm từ vựng ngữ nghĩa cũng có nghĩa biểu hiện khác nhau, chẳng hạn như nhóm hình ảnh khái niệm (hình 5, hình 6) về cơ sở tín ngưỡng như sản phẩm chuồn chuồn tre (nghề làm chuồn chuồn tre Thạch Xá), tơ sống (nghề dệt lụa Vạn Phúc),... hình ảnh tường thuật hoạt động/ thao tác (hình 7, hình 8) như *in mẫu, vờn màu* lên giấy dó trong nghề làm tranh Hàng Trống, *tạo dáng/ hình* trong nghề làm gốm Bát Tràng,... Mỗi loại khái niệm khác nhau sẽ có những loại hình ảnh biểu thị khái niệm đó một cách khác nhau.

Hình 6. *Tơ sống* *(Nguyên liệu nghề dệt lụa Vạn Phúc)*	***Hình 4***. *Mô hình công đoạn Làm đất* *(Nghề làm gốm Bát Tràng)*
	
Nguồn: Ngô Thị Thu Hương, 2025	

Có thể thấy, việc cung cấp thông tin văn tự bên cạnh việc cung cấp thông tin phi văn tự nhằm bổ sung nghĩa cho mục từ là việc rất cần thiết và tạo nên tính hấp dẫn cho TĐBK về nghề TCMN ở các địa phương nói chung, ở Hà Nội nói riêng. TĐBk về nghề TCMN tại Hà Nội không những cung cấp tri thức văn hóa về nghề TCMN tại Hà Nội mà có còn giúp cho độc giả "mục sở thị" văn hóa làm nghề TCMN tại địa phương này. Hơn nữa, TĐBK về nghề TCMN tại Hà Nội không những hấp dẫn

mà còn có khả năng thuyết phục người đọc đến trải nghiệm văn hóa làng nghề. Do đó, nhóm biên soạn cần phải chú ý đến cách thức biểu đạt các loại hình ảnh một cách khác nhau để phản ánh trực quan nội dung mục từ một cách rõ ràng nhất.

3. Kết luận

Như vậy có thể thấy, TĐBK về nghề TCMN tại Hà Nội vừa có tính chất của TĐBK chuyên ngành, vừa có tính chất của TĐBK địa phương. Trong giai đoạn tới, chắc chắn sẽ có nhiều cuốn từ điển về nghề TCMN được biên soạn cả hình thức trực tuyến (online) và ngoại tuyến (offline) bởi mỗi đơn vị mục từ của loại từ điển này không chỉ cung cấp cho độc giả những tri thức ngôn ngữ học, mà còn cung cấp những tri thức bách khoa. Do đó, biên soạn TĐBK về nghề TCMN là điều rất không đơn giản, đặc biệt là việc xây dựng cấu trúc vĩ mô cũng như cấu trúc vi mô. Bởi vì một số mục từ trong TĐBK về nghề TCMN tại Hà Nội là đơn vị có phạm vi hạn chế về mặt xã hội (phương ngữ xã hội). Trong khi đó, yêu cầu của việc cung cấp thông tin trong TĐBK về nghề TCMN tại Hà Nội phải phản ánh được văn hóa của mỗi cộng đồng nghề. Điều này một mặt đáp ứng được nhu cầu bảo vệ TNNN khỏi mai một, mặt khác góp phần phát huy giá trị văn hoá, ngôn ngữ của cộng đồng vào phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương có nghề và làng nghề nói chung, nghề và làng nghề truyền thống nói riêng. Cho nên, TĐBK về nghề TCMN tại Hà Nội cần phải xử lí một số vấn đề trong cấu trúc vĩ mô của TĐBK như xác định nghề TCMN, phạm vi thu thập mục từ, phát âm phương ngữ/ thổ ngữ trong TĐBK về nghề TCMN cũng như xử lí một số vấn đề trong cấu trúc vi mô của TĐBK như việc tích hợp thông tin văn tự và thông tin phi văn tự trong việc đa dạng hóa các hình thức biểu đạt để TĐBK nghề TCMN ở Hà Nội không chỉ là công cụ bảo tồn, quảng bá và khảo cứu văn hóa lao động sản xuất cũng như văn hóa tinh thần của cộng đồng cư dân làm nghề TCMN ở Hà Nội nói riêng, người lao động tại các địa phương khác ở Việt Nam nói chung.

**Bài viết là một phần của kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp Bộ: "Biên soạn Từ điển bách khoa về nghề thủ công mỹ nghệ tại Hà Nội", Mã số: KHXH/NV/2025-55, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.*

Chú thích:

[1]Hiện nay, quan điểm của phân tích diễn ngôn đa thức, âm thanh, hình ảnh, bảng biểu, đồ thị… đều là những nguồn tạo nghĩa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Hoàng Thị Châu (2009), *Phương ngữ học tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Nguyễn Thiện Giáp (1999), *Dẫn luận Ngôn ngữ học,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Vũ Quang Hào (2012), *Ngôn ngữ báo chí.* Nxb Thông tấn.
4. Phạm Văn Hảo (2010), "Thông tin bách khoa về địa phương trong từ điển phương ngữ tiếng Việt", Tạp chí *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 4.
5. Phạm Văn Hảo (2023), *Từ điển nghề và làng nghề truyền thống tỉnh Quảng Nam*, Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Quảng Nam phối hợp với Hội Ngôn ngữ học Việt Nam thực hiện.
6. Ngô Thị Thu Hương (2019), *Nghiên cứu từ ngữ nghề nghiệp ở Quảng Nam - Đà Nẵng,* Luận án tiến sĩ ngành Ngôn ngữ học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Nguyễn Mai (2025), *Tạo điều kiện nâng cao tốc độ tăng trưởng*, https://hanoimoi.vn/ha-noi-trien-khai-de-an-tong-the-phat-trien-lang-nghe-tao-dieu-kien-nang-cao-toc-do-tang-truong-693170.html.
8. Trần Quang Minh (2023), "Mô tả thực nghiệm hệ thóng thanh điệu của một số thổ ngữ ở Ba Vì (Hà Nội)", Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 4.
9. Hoàng Phê (chủ biên, 2006), *Từ điển tiếng Việt,* Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
11. Nguyễn Tài Thái (2014), "Sự biến đổi cách phát âm các phụ âm uốn lưỡi ở Sơn Tây", Tạp chí *Ngôn ngữ & Đời sống*, số 12.

10. Nguyễn Kim Thản (2009), "Bách khoa thư: Nguồn gốc và phân loại", Tạp chí *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 1.
11. Chu Bích Thu (1997), "Một số nét khái quát về cấu trúc vi mô của từ đển giải thích", *Một số vấn đề từ điển học*, Nguyễn Ngọc Trâm chủ biên, Nxb Khoa học xã hội.
12. Đinh Thuận (2023), *Nghề thủ công truyền thống - nguồn lực để Hà Nội phát triển công nghiệp văn hóa*, website: https://chinhsachcuocsong.vnanet.vn/nghe-thu-cong-truyen-thong-nguon-luc-de-ha-noi-phat-trien-cong-nghiep-van-hoa/15994.html.
13. Nguyễn Ngọc Trâm (1997), "Một vài nhận xét về cấu trúc vĩ mô của từ điển giải thích tiếng Việt", *Một số vấn đề từ điển học*, Nguyễn Ngọc Trâm chủ biên, Nxb Khoa học xã hội.

Tiếng Anh

14. Gunther Kress and Theo van Leeuwen (2006), Reading images. The grammar of visual design. The edition published in the Taylor & Francis e-Library.

Some issues in compiling the encyclopedic dictionary of handicrafts in Hanoi

Abstract: This article explores several issues related to the macrostructure and microstructure of an encyclopedia of handicrafts in Hanoi. In terms of macrostructure, the compilation of such an encyclopedia requires attention to criteria for defining handicrafts, the selection criteria for entries, the scope of entry selection, and the inclusion of dialectal or regional pronunciations to ensure the representation of both the distinctive and diverse cultural characteristics of the handicrafts in Hanoi. As for the microstructure, the compilation should focus on providing both textual and non-textual (visual) information in a diverse manner. This approach ensures that the encyclopedic dictionary of handicrafts in Hanoiserves not only as a tool for preserving, promoting, and studying the labor and production culture of Hanoi's handicraft artisans in particular, but also of workers in other regions across Vietnam in general.

Key words: encyclopedic dictionary; handicrafts; macrostructure; microstructure; Hanoi.